CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Ngày 30/06/2025	1,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**6.7%**

DT thuần
Q2/25
526
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 220| 72.0%
YoY: ▲ 303| 136%

LN thuần
Q2/25
-10.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.5| -2073%
YoY: ▲ 27.8| 72.0%

LN sau thuế
Q2/25
-10.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.5| -522%
YoY: ▲ 26.2| 72.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.1%
YoY: +/-▼ 3.3%

ROE (TTM)
Q2/25
12.2%
YoY: +/-▲ 4.2%

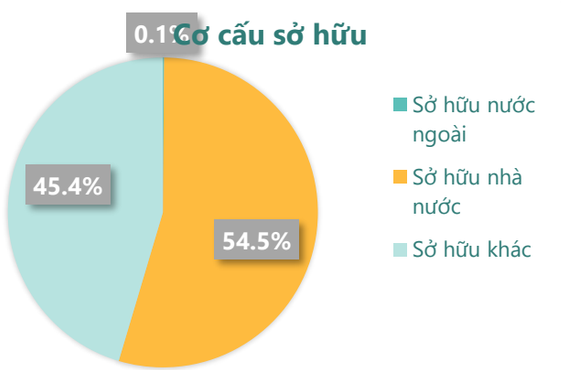
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,400 - 2,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	640
Số lượng CPLH (CP)	399,997,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	284,035
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.01
EPS	146
P/E	11.0

DT thuần
6T 2025
832
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 354| 74.0%

LN thuần
6T 2025
-10.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 63.8| 86.1%

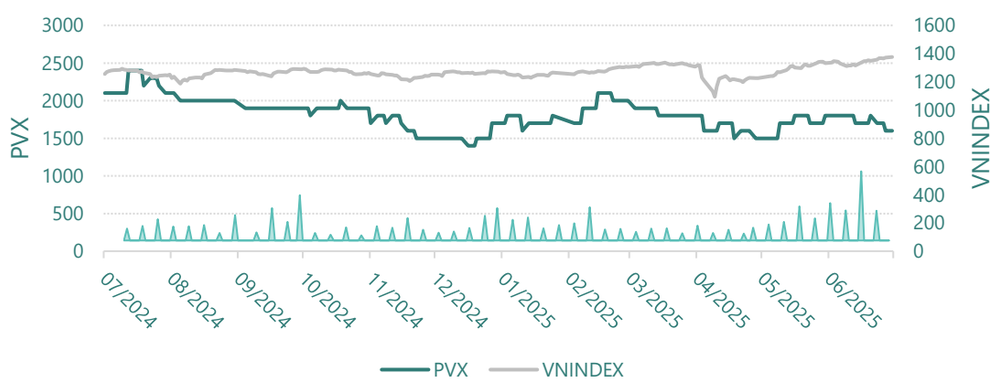
LN sau thuế
6T 2025
-7.72
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.1| 89.3%

Cơ cấu sở hữu

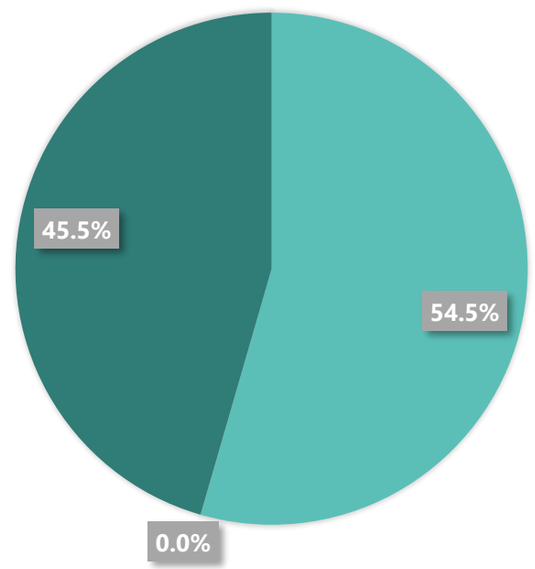


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



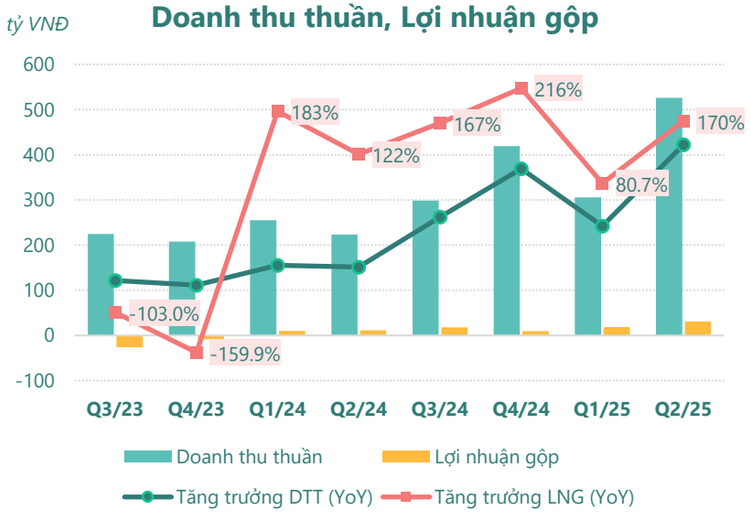
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

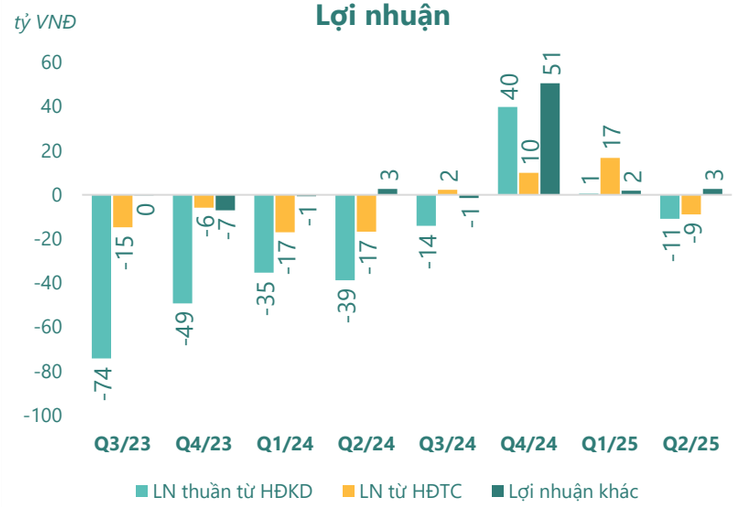
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



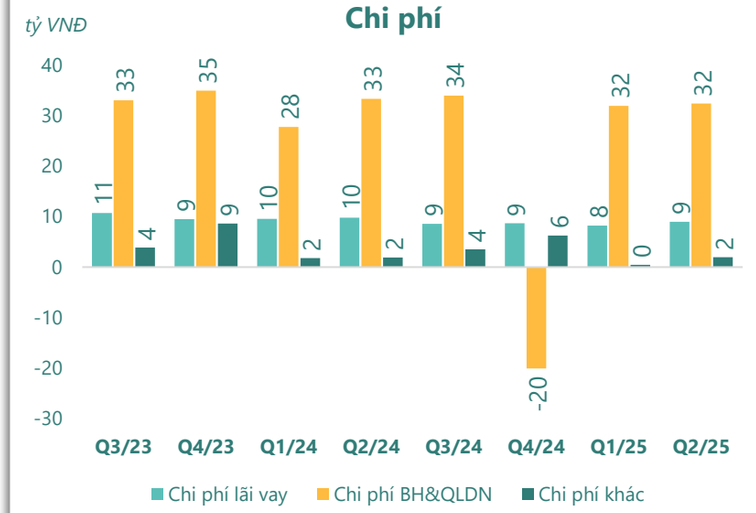
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



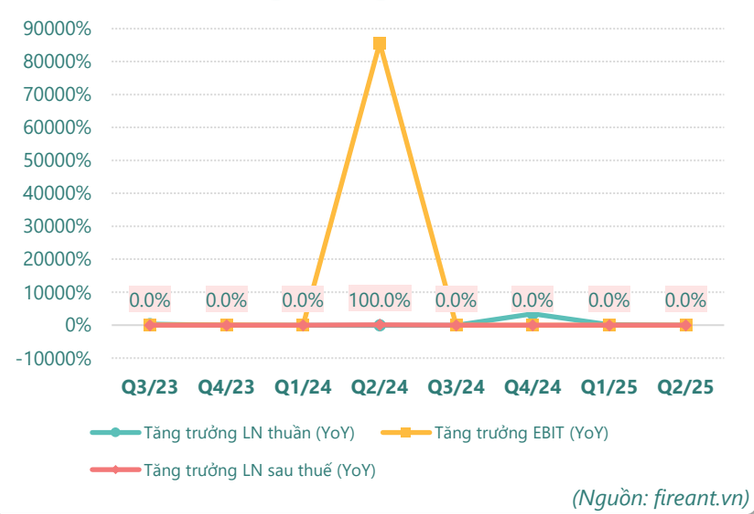
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



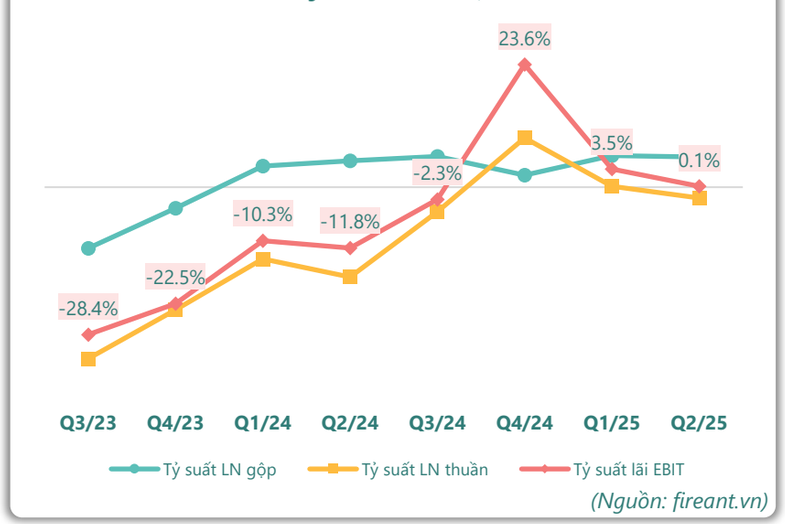
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



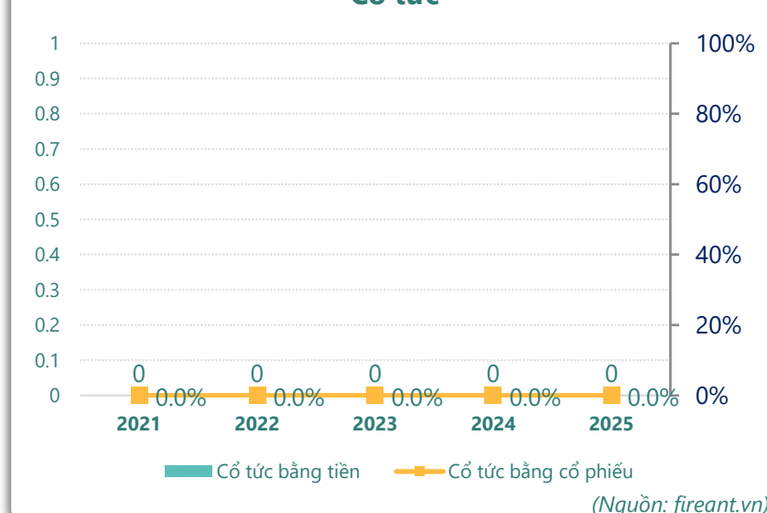
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

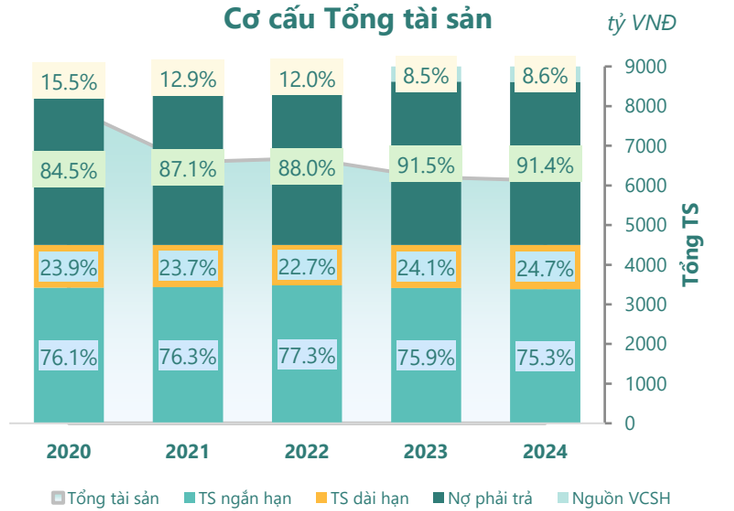
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

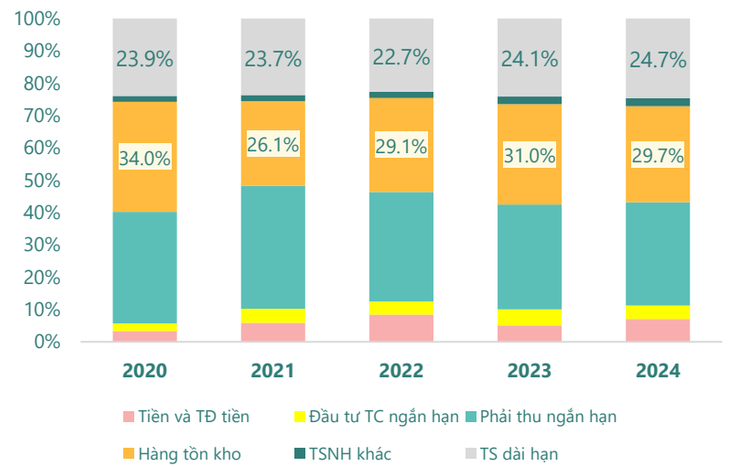
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



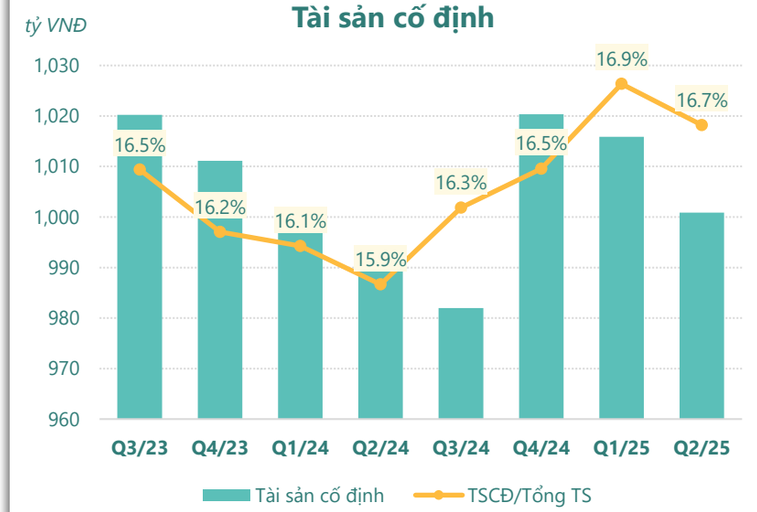
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



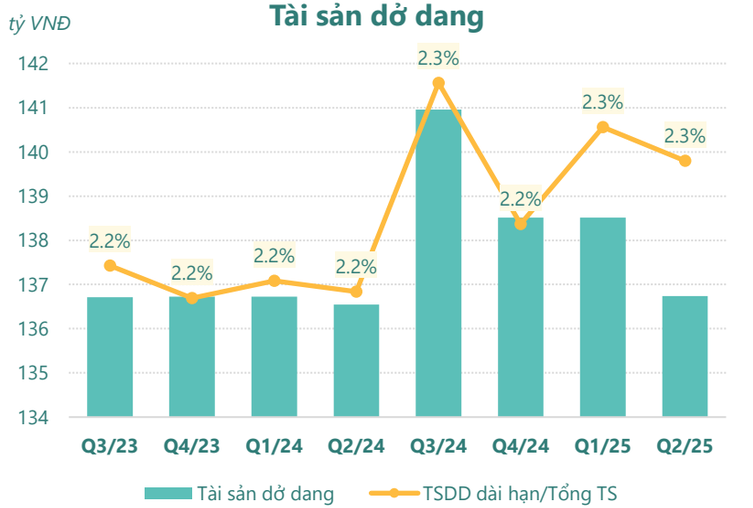
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



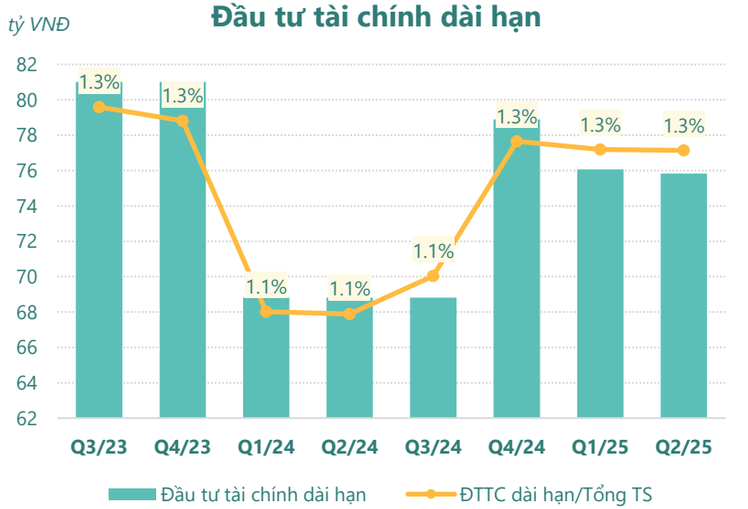
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



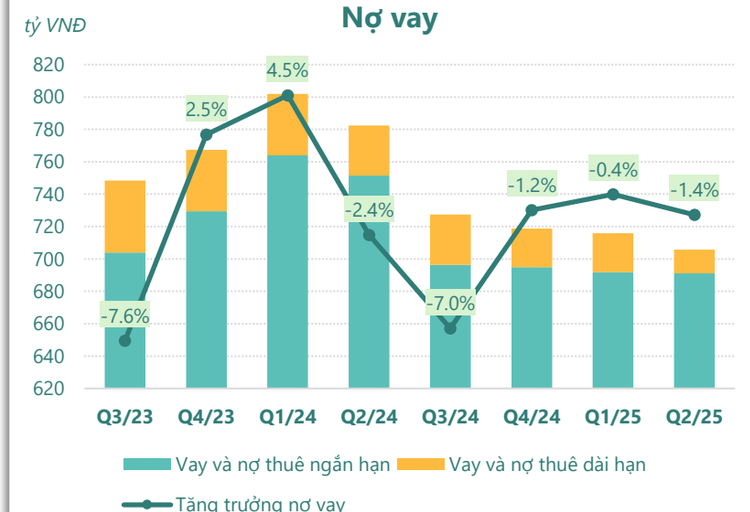
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

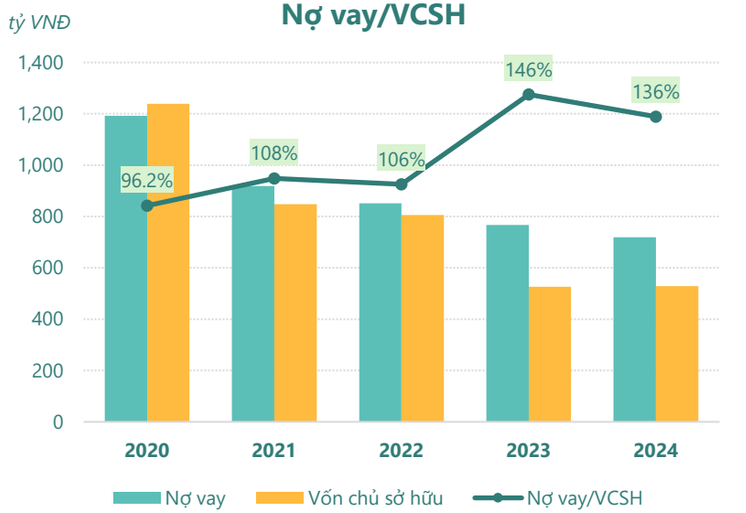
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

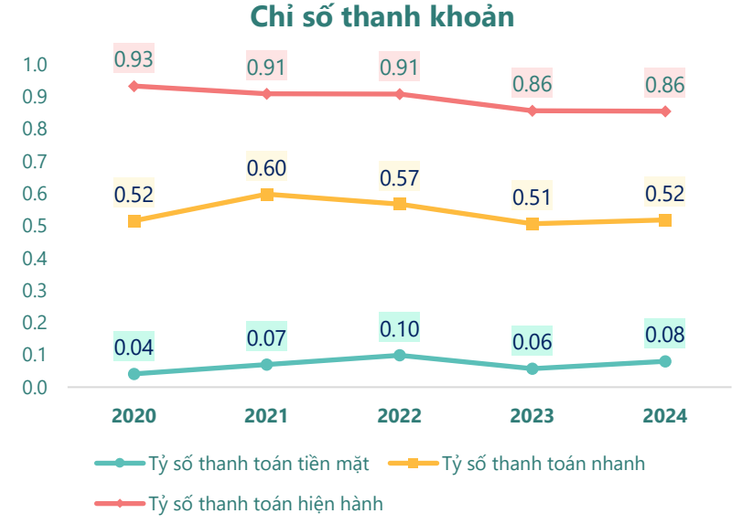
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



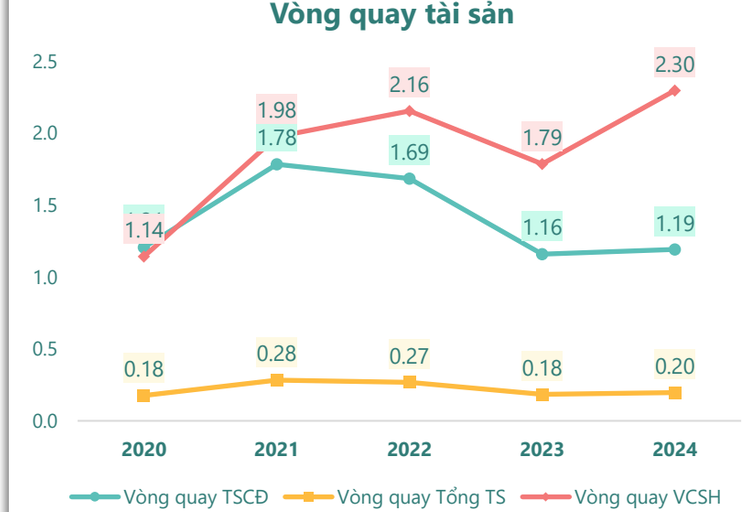
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



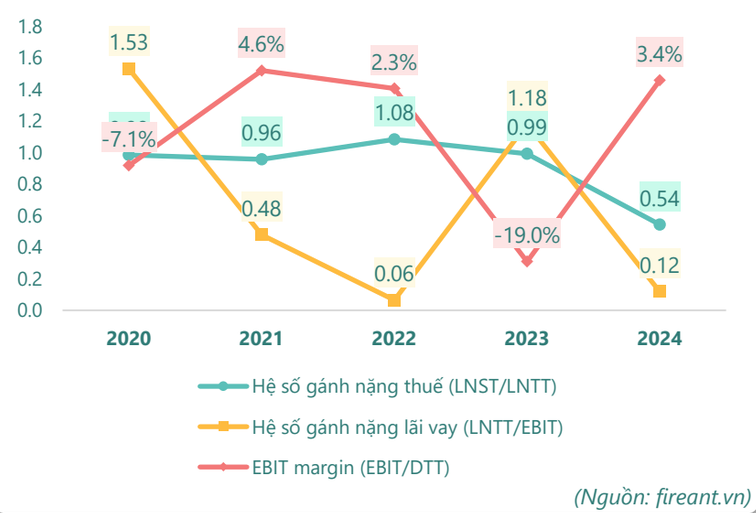
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



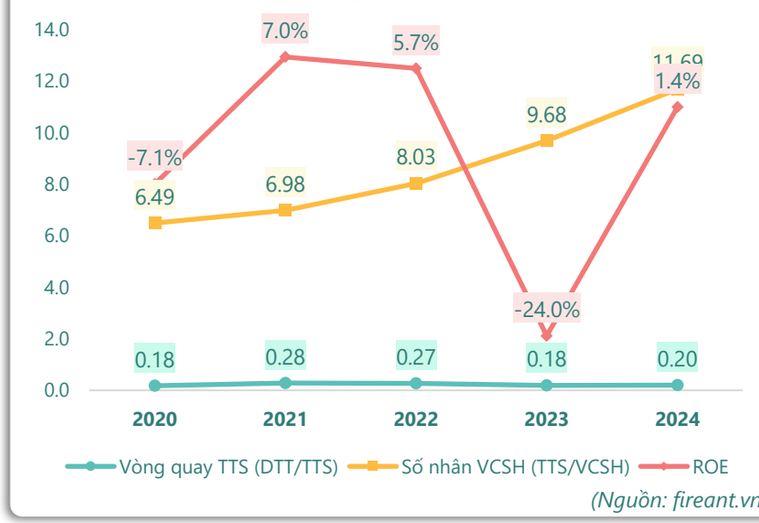
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



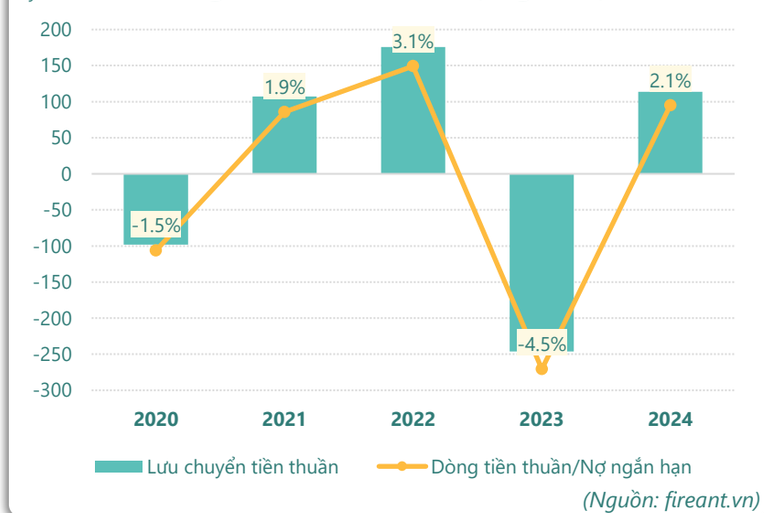
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**526**	**223**	**136%**	**832**	**478**	**74.0%**
Giá vốn hàng bán	496	212	134%	783	457	71.5%
Lợi nhuận gộp	30.8	11.4	170%	49.4	21.7	127%
Doanh thu HĐTC	3.68	8.81	-58.2%	29.9	16.1	85.3%
Chi phí TC	12.6	25.5	-50.6%	22.0	49.8	-55.8%
Chi phí lãi vay	9.01	9.83	-8.3%	17.2	19.4	-11.2%
LN trong công ty LKLD	**-0.23**	**0.00**		**-3.08**	**-0.90**	**-240%**
Chi phí bán hàng	1.80	0.02	8915%	2.94	0.12	2413%
Chi phí QLDN	**30.7**	**33.4**	**-8.1%**	**61.6**	**61.1**	**0.8%**
LN thuần từ HĐKD	-10.9	-38.7	72.0%	-10.3	-74.1	86.1%
Lợi nhuận khác	**2.62**	**2.63**	**-0.4%**	**4.48**	**2.00**	**123%**
LN trước thuế	-8.23	-36.1	77.2%	-5.82	-72.1	91.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-10.1**	**-36.3**	**72.1%**	**-7.72**	**-71.8**	**89.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-16.9**	**-34.6**	**51.2%**	**-14.7**	**-67.1**	**78.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-45.5	0.62	-19.2	215	546	97.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.1	7.32	53.4	-40.9	-13.0	1.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	34.4	-19.4	-55.1	-8.60	-2.92	-10.1
Tiền đầu kỳ	316	299	288	267	433	976
Lưu chuyển tiền thuần	**-21.2**	**-11.5**	**-20.8**	**166**	**530**	**89.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	4.32	0.58	-0.11	-0.51	12.9	-10.0
Tiền cuối kỳ	299	288	267	432	976	1,055

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,994**	**6,127**	**-2.2%**
Tài sản ngắn hạn	4,546	4,612	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	1,055	433	143%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	270	255	6.0%
Phải thu ngắn hạn	1,318	1,958	-32.7%
Hàng tồn kho	1,764	1,818	-3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	140	148	-5.8%
Tài sản dài hạn	**1,448**	**1,515**	**-4.4%**
Phải thu dài hạn	27.7	28.7	-3.8%
Tài sản cố định	1,001	1,025	-2.4%
Bất động sản đầu tư	85.0	85.5	-0.6%
Tài sản dở dang	137	139	-1.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	75.8	78.9	-3.9%
Tài sản dài hạn khác	**122**	**158**	**-22.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,491	5,598	-1.9%
Nợ ngắn hạn	**5,303**	**5,394**	**-1.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	691	695	-0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,210	3,255	-1.4%
Nợ dài hạn	188	204	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.6	24.0	-39.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**504**	**529**	**-4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**504**	**529**	**-4.8%**
Vốn điều lệ	4,000	4,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)